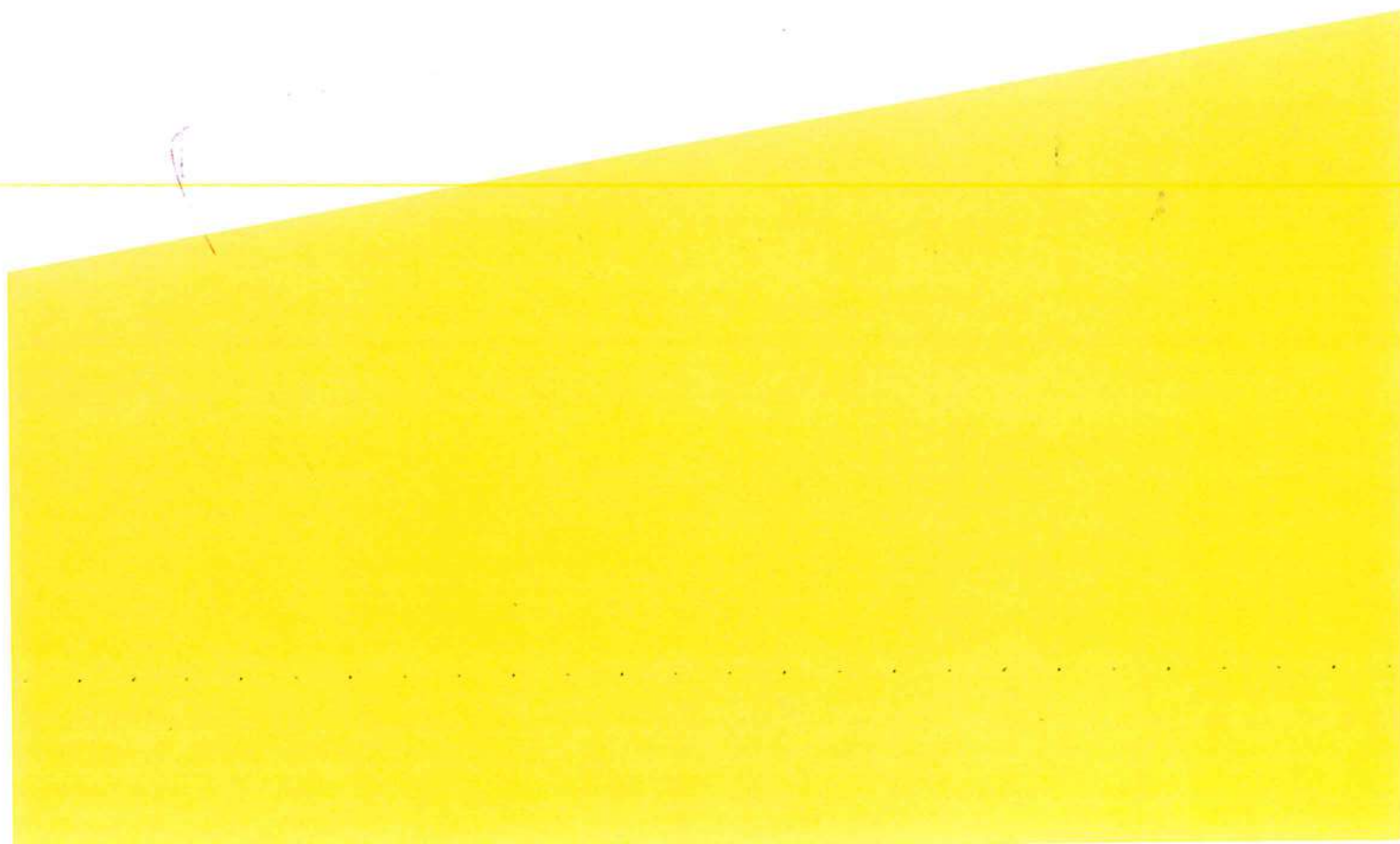




EY

Building a better
working world



Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 1 tháng 6 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Công ty có bốn (4) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch	
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên	
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	
Ông Phạm Hoàng Lương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Nhật Quang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên
Ông Trần Công Lộc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Bích Hồng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61656017/22989303/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

11/7/2022

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		287.027.388.489	169.454.863.563
110	I. Tiền	4	39.170.348.027	8.959.413.292
111	1. Tiền		39.170.348.027	8.959.413.292
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		52.592.144.000	62.889.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	5.503.000.000	13.100.354.462
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.910.856.000)	(211.354.462)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		185.051.764.441	91.950.407.421
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	7.342.379.659	6.636.836.638
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	65.614.444.316	30.717.839.600
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	112.350.333.339	54.967.456.930
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(255.392.873)	(371.725.747)
140	IV. Hàng tồn kho	9	8.726.161.125	5.448.563.785
141	1. Hàng tồn kho		8.726.161.125	5.448.563.785
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.486.970.896	207.479.065
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		14.727.272	80.320.127
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	338.522.453	127.158.938
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.133.721.171	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		314.854.856.725	254.385.065.359
210	I. Phải thu dài hạn		643.250.000	643.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	643.250.000	643.250.000
220	II. Tài sản cố định		11.508.076.506	11.786.630.838
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.810.468.342	9.059.024.594
222	Nguyên giá		9.870.500.000	9.870.500.000
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.060.031.658)	(811.475.406)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.697.608.164	2.727.606.244
228	Nguyên giá		2.999.808.000	2.999.808.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(302.199.836)	(272.201.756)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	59.986.458.350	60.264.083.348
231	1. Nguyên giá		62.300.000.000	62.300.000.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.313.541.650)	(2.035.916.652)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.186.624.052	97.133.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	2.186.624.052	97.133.302
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		240.160.000.000	181.160.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	60.000.000.000	60.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	18.250.000.000	18.250.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	161.910.000.000	102.910.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		370.447.817	433.967.871
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	370.447.817	433.967.871
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		601.882.245.214	423.839.928.922

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		59.527.789.492	31.824.103.607
310	I. Nợ ngắn hạn		59.472.789.492	31.731.603.607
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	1.391.846.216	99.586.328
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	211.445.662	2.741.685.542
314	3. Phải trả người lao động		181.295	181.295
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	200.000.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	32.038.172.587	25.000.000.000
320	6. Vay ngắn hạn	20	24.498.208.538	3.890.150.442
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.14	1.132.935.194	-
330	II. Nợ dài hạn		55.000.000	92.500.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	55.000.000	92.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		542.354.455.722	392.015.825.315
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	542.354.455.722	392.015.825.315
411	1. Vốn cổ phần		415.940.000.000	320.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		415.940.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		97.564.000.000	40.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.850.455.722	32.015.825.315
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		30.482.890.121	17.018.544.353
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(1.632.434.399)	14.997.280.962
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		601.882.245.214	423.839.928.922

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	5.616.889.090	4.414.062.112
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(315.000.000)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	5.301.889.090	4.414.062.112
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	23	(2.558.098.366)	(1.882.242.531)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.743.790.724	2.531.819.581
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	2.193.297.779	25.108.236.442
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(3.937.234.859) (632.630.132)	(876.076.507) (156.410.058)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(1.549.823.451)	(999.980.925)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(4.498.628.905)	(4.424.749.547)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.048.598.712)	21.339.249.044
31	11. Thu nhập khác	26	6.055.555.556	42.600.000
32	12. Chi phí khác	26	(2.639.391.243)	(520.454.897)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	26	3.416.164.313	(477.854.897)
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.632.434.399)	20.861.394.147
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	(4.292.802.130)
60	16. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(1.632.434.399)	16.568.592.017



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.632.434.399)	20.861.394.147
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11, 12	556.179.330	432.858.772
03	Các khoản dự phòng		2.583.168.664	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	22.2	(1.272.736.632)	(18.993.220.858)
06	Chi phí lãi vay	24	632.630.132	156.410.058
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		866.807.095	2.457.442.119
09	Tăng các khoản phải thu		(81.025.942.164)	(610.885.488)
10	Tăng hàng tồn kho		(3.277.597.340)	(606.896.694)
11	Tăng các khoản phải trả		8.561.903.619	5.874.464.348
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		129.112.909	(239.323.204)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		7.597.354.462	(5.015.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(632.630.132)	(156.410.058)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.728.701.774)	(1.664.356.268)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(360.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(71.869.693.325)	39.034.755
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.000.000.000)	(3.828.000.000)
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(50.000.000.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(88.000.000.000)	(197.160.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.500.000.000	36.000.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		2.468.569.964	993.220.858
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(72.031.430.036)	(213.994.779.142)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	21.1	153.504.000.000	240.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	24.498.208.538	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(3.890.150.442)	(22.378.868.966)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		174.112.058.096	217.621.131.034

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		30.210.934.735	3.665.386.647
60	Tiền đầu kỳ		8.959.413.292	23.502.729.226
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	39.972
70	Tiền cuối kỳ	4	39.170.348.027	27.168.155.845



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 1 tháng 6 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 27 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 23).

Công ty có năm (4) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Thành phố Hà Nội.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	40 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	40 năm
---------	--------

Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không hao mòn.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ này và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	195.485.965	14.973.000
Tiền gửi ngân hàng	38.974.862.062	8.944.440.292
TỔNG CỘNG	39.170.348.027	8.959.413.292

VND

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	5.503.000.000	2.592.144.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	-	12.544.354.462	12.427.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	-	556.000.000	462.000.000
TỔNG CỘNG	5.503.000.000	2.592.144.000	13.100.354.462	12.889.000.000

VND

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	50.000.000.000	50.000.000.000

VND

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây có kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất là 4,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ các bên khác	1.931.739.659	884.386.638
Ông Dương Quốc Thi	510.694.640	510.694.640
Khác	1.421.045.019	373.691.998
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	5.410.640.000	5.752.450.000
TỔNG CỘNG	7.342.379.659	6.636.836.638
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	(255.392.873)	(371.725.747)
GIÁ TRỊ THUẦN	7.086.986.786	6.265.110.891

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	371.725.747	371.725.747
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	46.153.239	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(162.486.113)	-
Số cuối kỳ	255.392.873	371.725.747

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho người bán	45.414.444.316	30.717.839.600
Công ty Cổ phần Tổng đài Địa ốc Việt Nam	43.600.000.000	29.000.000.000
Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây dựng Ngân Tháp	1.100.000.000	1.100.000.000
Ginseng and Herb Co-op	484.901.200	477.849.600
Khác	229.543.116	139.990.000
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	20.200.000.000	-
TỔNG CỘNG	65.614.444.316	30.717.839.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	112.350.333.339	54.967.456.930
Tạm ứng cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	74.500.000.000	15.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	22.372.000.000	22.372.000.000
Phải thu từ cá nhân từ chuyển nhượng vốn góp (Thuyết minh số 15.3)	14.500.000.000	15.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi	958.333.335	2.154.166.667
Khác	20.000.004	441.290.263
Dài hạn	643.250.000	643.250.000
Ký quỹ, ký cược	643.250.000	643.250.000
TỔNG CỘNG	<u>112.993.583.339</u>	<u>55.610.706.930</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hàng hóa	8.558.842.730	5.244.024.520
Hàng gửi đi bán	135.282.192	172.503.062
Công cụ, dụng cụ	32.036.203	32.036.203
TỔNG CỘNG	<u>8.726.161.125</u>	<u>5.448.563.785</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>6.532.500.000</u>	<u>3.338.000.000</u>	<u>9.870.500.000</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(598.812.500)	(212.662.906)	(811.475.406)
Khấu hao trong kỳ	<u>(81.656.250)</u>	<u>(166.900.002)</u>	<u>(248.556.252)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(680.468.750)</u>	<u>(379.562.908)</u>	<u>(1.060.031.658)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>5.933.687.500</u>	<u>3.125.337.094</u>	<u>9.059.024.594</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>5.852.031.250</u>	<u>2.958.437.092</u>	<u>8.810.468.342</u>
Trong đó:			
Tài sản sử dụng để thế chấp	5.852.031.250	-	5.852.031.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.999.808.000
và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>2.999.808.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(272.201.756)
Khấu hao trong kỳ	<u>(29.998.080)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(302.199.836)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>2.727.606.244</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>2.697.608.164</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>	<u>2.697.608.164</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>40.090.000.000</u>	<u>22.210.000.000</u>	<u>62.300.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(2.035.916.652)	(2.035.916.652)
Hao mòn trong kỳ	<u>-</u>	<u>(277.624.998)</u>	<u>(277.624.998)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>-</u>	<u>(2.313.541.650)</u>	<u>(2.313.541.650)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>40.090.000.000</u>	<u>20.174.083.348</u>	<u>60.264.083.348</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>40.090.000.000</u>	<u>19.896.458.350</u>	<u>59.986.458.350</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>	<u>20.000.000.000</u>	<u>19.896.458.350</u>	<u>39.896.458.350</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	28.431.894	470.566.191
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	3.128.098	285.906.734

Các khoản tiền thuê thu được trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 30.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Nhà máy sản xuất thực phẩm chức năng	2.089.490.750	-
Khác	97.133.302	97.133.302
TỔNG CỘNG	<u>2.186.624.052</u>	<u>97.133.302</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công thức nước dừa sẫm	155.555.556	155.555.556
Phí bảo hiểm	46.907.088	77.665.827
Khác	167.985.173	200.746.488
TỔNG CỘNG	<u>370.447.817</u>	<u>433.967.871</u>

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh 15.1</i>)	60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh 15.2</i>)	18.250.000.000	18.250.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh 15.3</i>)	161.910.000.000	102.910.000.000
TỔNG CỘNG	<u>240.160.000.000</u>	<u>181.160.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Organic Tiên Thịnh ("Organic Tiên Thịnh")	73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh phân bón	85,7	<u>60.000.000.000</u>

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi ("Đồng Khởi")	Thửa đất số 721, tờ bản đồ số 25, Ấp Quới Hưng, Xã Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	Kinh doanh bất động sản	36,5	<u>18.250.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần nhà ở Tiêu chuẩn xanh Quốc tế (i)	15	88.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ (ii)	19	38.000.000.000	19	38.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dream House (iii)	19	22.800.000.000	19	22.800.000.000
Công ty Cổ phần Green Portal (iv)	19	13.110.000.000	19	13.110.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công (v)	-	-	19,3	29.000.000.000
TỔNG CỘNG		161.910.000.000		102.910.000.000

(i) Công ty Cổ phần nhà ở Tiêu chuẩn xanh Quốc tế ("Tiêu chuẩn xanh Quốc tế") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1301115366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 23 tháng 3 năm 2022 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Tiêu chuẩn xanh Quốc tế có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Tiêu chuẩn xanh Quốc tế là hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

(ii) Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ ("Nhà thuốc và Phòng khám Green+") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1301104678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 30 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Nhà thuốc và Phòng khám Green+ có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Nhà thuốc và Phòng khám Green+ là giao dịch và tiếp thị thuốc.

(iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dream House ("Dream House") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0302073325 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2000 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Dream House có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Dream House là bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

(iv) Công ty Cổ phần Green Portal ("Green Portal") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0315525794 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 3 năm 2019 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Green Portal có trụ sở chính đăng ký tại 259A Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Green Portal là cung cấp thông tin điện tử trực tuyến.

(v) Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công ("Học viện Khởi nghiệp Thành Công") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1301054498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Học viện Khởi nghiệp Thành Công có trụ sở chính đăng ký tại 100D Hùng Vương, Khu phố 4, Phường 5, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Học viện Khởi nghiệp Thành Công là hoạt động cho thuê tài chính.

Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Học viện Khởi nghiệp Thành Công cho một cá nhân với số tiền là 29.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty không còn sở hữu cổ phần của Học viện Khởi nghiệp Thành Công tại ngày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. (Thuyết minh số 8)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cao Gia Phát	1.256.650.010	-
Khác	135.196.206	99.586.328
TỔNG CỘNG	1.391.846.216	99.586.328

17. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	145.704.939	292.344.233	(226.603.510)	211.445.662
Thuế giá trị gia tăng	-	257.790.644	(257.790.644)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.595.980.603	-	(2.595.980.603)	-
TỔNG CỘNG	2.741.685.542	550.134.877	(3.080.374.757)	211.445.662
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.132.721.171	-	1.132.721.171
Thuế giá trị gia tăng	127.158.938	552.895.494	(341.531.979)	338.522.453
Khác	-	1.000.000	-	1.000.000
TỔNG CỘNG	127.158.938	1.686.616.665	(341.531.979)	1.472.243.624

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	200.000.000	-

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	32.038.172.587	25.000.000.000
Mượn tiền bên liên quan (Thuyết minh số 29)	32.000.000.000	25.000.000.000
Khác	38.172.587	-
Dài hạn	55.000.000	92.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược	55.000.000	92.500.000
TỔNG CỘNG	32.093.172.587	25.092.500.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>3.890.150.442</u>	<u>24.498.208.538</u>	<u>(3.890.150.442)</u>	<u>24.498.208.538</u>

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
---------------	--------------------	-----------------------	-------------------	-------------------

Ngân hàng TMCP
Ngoại thương Việt Nam
– Chi nhánh Bình Tây

24.498.208.538 Từ ngày 13 tháng 7 năm 2022
đến ngày 29 tháng 11 năm
2022

7,2 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số
653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành,
Tỉnh Bến Tre

Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB
chung cư Aview 1 Khu dân cư 13C, Đường Nguyễn Văn Linh,
Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2
Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián,
Thành phố Đà Nẵng

Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 030/NHNT-KH/TC/20 kỳ
ngày 3 tháng 1 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	120.000.000.000	-	17.392.544.353	137.392.544.353
Tăng vốn	200.000.000.000	40.000.000.000	-	240.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.568.592.017	16.568.592.017
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>320.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>33.961.136.370</u>	<u>393.961.136.370</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	320.000.000.000	40.000.000.000	32.015.825.315	392.015.825.315
Tăng vốn (*)	95.940.000.000	57.564.000.000	-	153.504.000.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(1.632.434.399)	(1.632.434.399)
Chi thù lao HĐQT	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.132.935.194)	(1.132.935.194)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>415.940.000.000</u>	<u>97.564.000.000</u>	<u>28.850.455.722</u>	<u>542.354.455.722</u>

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 17/2021/GREEN+/NQ-ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 9.600.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương 96.000.000.000 VND, với giá phát hành là 16.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 416.000.000.000 VND.

Vào ngày 19 tháng 1 năm 2022, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán 9.600.000 cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 06/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vào ngày 8 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.594.000 cổ phiếu, với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, cho các nhà đầu tư. Do đó, vốn cổ phần của Công ty đã tăng từ 320.000.000.000 VND lên 415.940.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 10 vào ngày 29 tháng 3 năm 2022.

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Ông Đặng Đức Thành	12.000.000	28,85	11.693.000	36,54
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	6.000.000	14,43	6.000.000	18,75
Các cổ đông khác	23.594.000	56,72	14.307.000	44,71
TỔNG CỘNG	<u>41.594.000</u>	<u>100</u>	<u>32.000.000</u>	<u>100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	320.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	95.940.000.000	200.000.000.000
Số cuối kỳ	<u>415.940.000.000</u>	<u>320.000.000.000</u>

21.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cổ phiếu đăng ký phát hành	41.594.000	32.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	41.594.000	32.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.594.000	32.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	41.594.000	32.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.594.000	32.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng doanh thu	5.616.889.090	4.414.062.112
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán hàng	5.588.457.196	3.943.495.921
Doanh thu cho thuê mặt bằng	28.431.894	470.566.191
Trừ	(315.000.000)	-
Hàng bán bị trả lại	(315.000.000)	-
Doanh thu thuần	<u>5.301.889.090</u>	<u>4.414.062.112</u>
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán hàng	5.273.457.196	3.943.495.921
Doanh thu cho thuê mặt bằng	28.431.894	470.566.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Lãi tiền gửi	1.272.736.632	993.220.858
Lãi bán các khoản đầu tư và chứng khoán	834.648.885	24.115.014.168
Lãi chênh lệch tỷ giá	85.912.262	1.416
TỔNG CỘNG	<u>2.193.297.779</u>	<u>25.108.236.442</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Giá vốn hàng bán	2.554.970.268	1.596.335.797
Giá vốn cho thuê mặt bằng	3.128.098	285.906.734
TỔNG CỘNG	<u>2.558.098.366</u>	<u>1.882.242.531</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.699.501.538	-
Chi phí lãi vay	632.630.132	156.410.058
Lỗ đầu tư chứng khoán	605.103.189	665.528.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	54.138.399
TỔNG CỘNG	<u>3.937.234.859</u>	<u>876.076.507</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Chi phí bán hàng	1.549.823.451	999.980.925
Chi phí hội thảo	1.145.555.553	401.056.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.501.744	358.409.244
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	56.653.494	96.954.545
Chi phí bằng tiền khác	101.112.660	143.560.551
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.498.628.905	4.424.749.547
Chi phí nhân viên	3.104.775.313	2.295.469.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	633.306.048	698.119.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	248.556.252	125.235.694
Chi phí bằng tiền khác	511.991.292	1.305.924.781
TỔNG CỘNG	<u>6.048.452.356</u>	<u>5.424.730.472</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Thu nhập khác	6.055.555.556	42.600.000
Khoản bồi thường nhận được do thanh lý hợp đồng	4.600.000.000	-
Nhận tài trợ từ các đối tác	1.455.555.556	-
Khác	-	42.600.000
Chi phí khác	(2.639.391.243)	(520.454.897)
Khấu hao tài sản không sử dụng	(304.494.980)	(29.998.080)
Khác	(2.334.896.263)	(490.456.817)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>3.416.164.313</u>	<u>(477.854.897)</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Chi phí nhân công	3.104.775.313	2.295.469.659
Chi phí hàng hóa đã bán	2.554.970.268	1.594.131.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.025.363.345	1.562.821.523
Chi phí khấu hao và hao mòn	251.684.350	402.860.692
Khác	669.757.446	1.451.689.680
TỔNG CỘNG	<u>8.606.550.722</u>	<u>7.306.973.003</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4.292.802.130

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.632.434.399)	20.861.394.147
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(326.486.880)	4.172.278.829
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	143.716.558	120.523.301
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản TNDN hoãn lại	142.770.322	-
Khác	40.000.000	-
Chi phí thuế TNDN	-	4.292.802.130

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên (lỗ thuế) thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. (Lỗ thuế) thu nhập chịu thuế của Công ty khác với (lỗ) thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì (lỗ thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Lỗi thuế chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ với tổng giá trị là 713.851.608 VND (31 tháng 12 năm 2021: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
2022	2027	713.851.608	-	713.851.608

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có tồn tại sự kiểm soát và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh	Công ty con
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Đặng Bích Vân	Cố đồng
Ông Đặng Đức Trung	Con chủ tịch HĐQT
Bà Đặng Thị Minh Tuyết	Em ruột chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nhà ở Tiêu chuẩn xanh Quốc tế	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Thương mại Dream House	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Green Portal	Bên liên quan
Cổ phần Quý Đầu tư Khởi nghiệp Thành Công	Bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Công ty nhà ở Tiêu chuẩn Quốc tế xanh	Góp vốn	88.000.000.000	-
Bà Đặng Thị Minh Tuyết	Tạm ứng mua đất	32.500.000.000	15.000.000.000
Ông Đặng Đức Trung	Tạm ứng mua đất	21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Organic Tiên Thịnh	Tạm ứng mua hàng	20.000.000.000	-
	Mượn tiền	10.000.000.000	-
	Trả tiền mượn	3.000.000.000	-
	Bán hàng hóa	175.768.636	-
	Góp vốn	-	60.000.000.000
Ông Đặng Đức Thành	Tạm ứng	6.000.000.000	-
	Nhận vốn góp	4.912.000.000	58.800.000.000
	Chi hộ	-	73.800.000
Công ty Cổ phần Green Portal	Mua dịch vụ	1.111.111.110	-
	Góp vốn	-	13.110.000.000
Bà Đặng Bích Vân	Bán hàng hóa	41.682.221	13.078.727
	Nhận vốn góp	-	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Hàng hóa trả về	315.000.000	-
	Bán hàng hóa	4.505.407	-
	Góp vốn	-	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi	Góp vốn	-	18.250.000.000
Bà Đặng Bích Hồng	Tạm ứng	-	18.000.000.000
	Hoàn tạm ứng	-	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dream House	Góp vốn	-	22.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.410.640.000	5.752.450.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Bà Đặng Thị Minh Tuyết	Em ruột chủ tịch HĐQT	Tạm ứng mua đất	47.500.000.000	15.000.000.000
Ông Đặng Đức Trung	Con chủ tịch HĐQT	Tạm ứng mua đất	21.000.000.000	-
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng mua đất	6.000.000.000	-
			74.500.000.000	15.000.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh	Công ty con	Mua hàng hóa	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Green Portal	Bên liên quan	Mua dịch vụ	200.000.000	-
			20.200.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh	Công ty con	Mượn tiền	32.000.000.000	25.000.000.000

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Chức vụ	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	530.000.000	350.000.000
Bà Đặng Bích Hồng	340.000.000	155.000.000
Ông Nguyễn Công Thành	265.000.000	175.000.000
Ông Đồng Quang Huy	240.000.000	87.500.000
Ông Lê Đình Phong	175.000.000	175.000.000
TỔNG CỘNG	1.550.000.000	942.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	147.945.205	239.000.000
Từ 1 – 5 năm	-	36.000.000
TỔNG CỘNG	<u>147.945.205</u>	<u>275.000.000</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	<u>87.272.727</u>	<u>34.090.909</u>

31. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	<u>334,41</u>	<u>341,01</u>

32. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của bảng cân đối kế toán riêng của kỳ nay.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022